TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ - ST
Ngày 26/12/2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Vinh, bà Vì Thị Xôm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Tiến Trường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vừ Thị Nh, sinh năm 2004.

Địa chỉ: Bản Gi, xã N, tỉnh Điện Biên.

Trước đây là: Bản G, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Thào A Ch, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Bản Gi, xã N, tỉnh Điện Biên.

Trước đây là: Bản Gi, xã N, huyện Đ tỉnh Điện Biên.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14/10/2025 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Vừ Thị Nh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vừ Thị Nh và anh Thào A Ch chung sống cùng nhau từ năm 2020 nhưng đến ngày 15/4/2025 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (nay là xã N, tỉnh Điện Biên). Chị Nh và anh Ch kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó đến tháng 5 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau. Vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chị Nh đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 5 năm 2025 cho đến nay. Xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên không thể chung sống với nhau được nữa. Chị Nh đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thào A Ch.

Về con chung: Chị Nh khai, chị và anh Ch có 02 con chung là cháu Thào A H, sinh ngày 01/01/2022 và cháu Thào Thị A sinh ngày 10/10/2023. Tại đơn khởi kiện Chị Nh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Thào Thị A còn anh Ch sẽ trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Thào A H đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án Chị Nh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 22 tháng 10 năm 2025, Toà án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên đã thụ lý vụ án và tống đạt thông báo thụ lý, thông báo các nội dung và yêu cầu cụ thể của Chị Nh cho anh Ch biết để anh Ch thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng anh Ch không gửi ý kiến gì. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Ch vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, Chị Nh vẫn giữ nguyên quan điểm theo nội dung đơn khởi kiện, xin được ly hôn với anh Ch.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Điện Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX vào nghị án đã thực hiện đúng theo các quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, vi phạm các Điều 70; 72/BLTTDS.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vừ Thị Nh, giao 02 con chung là cháu Thào A H, sinh ngày 01/01/2022 cháu Thào Thị A sinh ngày 10/10/2023 cho Chị Nh được quyền chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Chấp nhận việc Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 4 Điều 147/BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho Chị Nh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Chị Vừ Thị Nh yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Thào A Ch và yêu cầu giải quyết về con chung. Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Anh Ch cư trú tại bản Bản Gia Phú B, xã Núa Ngam, tỉnh Điện Biên nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2025, Tòa án mở phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh Ch vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025, Tòa án mở phiên tòa, anh Ch đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Chị Nh có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228/BLTTDS xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Vừ Thị Nh và anh Thào A Ch kết hôn với nhau vào 15/4/2025 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Na Tông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (nay là xã Núa Ngam, tỉnh Điện Biên). Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc và tuân thủ đầy đủ các qui định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa Chị Nh và anh Ch là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Chị Nh khai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2025 cho đến nay không liên lạc gì với nhau nữa. Tại biên bản xác minh ngày 19/11/2025, trưởng bản Gia Phú B, xã Núa Ngam, tỉnh Điện Biên đã cung cấp. Mâu thuẫn giữa anh Ch và Chị Nh chính quyền không nắm được, hiện nay anh Ch và Chị Nh đã ly thân. Vì vậy HĐXX nhận định mâu thuẫn giữa anh Ch và Chị Nh là có thật, vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm gì đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Ch không có ý kiến gì đối với yêu cầu của Chị Nh, Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải nhưng anh Ch vắng mặt, thể hiện anh Ch không có thiện trí hoà giải. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của Chị Nh.

[2.2]. Về con chung: Chị Nh và anh Ch có 02 con chung là cháu Thào A H, sinh ngày 01/01/2022 và cháu Thào Thị A sinh ngày 10/10/2023. Hiện nay cháu Thào A H đang ở cùng với anh Ch. Cháu Thào Thị A đang ở cùng với Chị Nh.

Chị Nh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cả con chung còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ. Chị Nh ngoài làm nông nghiệp còn đi làm thuê để có thêm thu nhập. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi cho con chung và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử chấp nhận sự nguyện vọng của Chị Nh. Giao cả hai con chung cho Chị Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3]. Về quan hệ tài sản:

Về tài sản chung; tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng: Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Chị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên Chị Nh là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế khó khăn, Chị Nh có đơn đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm. Vì vậy theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Chị Nh được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; 58 Điều 81 Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vừ Thị Nh được ly hôn anh Thào A Ch.

2. Về con chung: Chị Vừ Thị Nh được quyền trực tiếp chăm sóc và nuôi

dưỡng 02 con chung là cháu Thào A Hải, sinh ngày 01/01/2022 và cháu Thào Thị Ái sinh ngày 10/10/2023 đến khi hai con chung thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con, Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản: Về tài sản chung; tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng, đất: Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vừ Thị Nh được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Vừ Thị Nh và anh Thào A Ch đều vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND Khu vực 2 - Điện Biên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- UBND xã Núa Ngam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Thùy Dương